

NGHỊ QUYẾT

**VỀ VIỆC PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
CHO CÁC XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
KHÓA I – KỲ HỌP THỨ 7 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định mức vốn đối ứng từ
ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và
mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục
tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn
ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;*

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thị xã Đức Phổ giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ về việc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ về việc phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra số 167/BC-HĐND ngày 29/8/2022 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cụ thể như sau:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 là 38.674 triệu đồng; trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương, tính là 32.582,3 triệu đồng.

+ Vốn đối ứng ngân sách thị xã là 4.931,4 triệu đồng.

+ Với đối ứng ngân sách xã và huy động khác là 1.160,4 triệu đồng.

(Chi tiết cụ thể theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; Chỉ đạo các UBND các xã thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, Ban của Hội đồng nhân dân thị xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị xã khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026 Kỳ họp thứ 7 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Thị ủy,
- Thường trực HĐND thị xã;
- UBND thị xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH thị xã;
- Các Ban HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các phòng: TC-KH, QLĐT, Kinh tế;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Kiên
Nguyễn Kiên



PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ)

DVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu năm 2022			Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã		Ngân sách xã và huy động khác	Ngân sách TW, tỉnh		Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác
					84.028	56.462	14.380	12.367	38.674,0	32.582,3	4.931,4	1.160,4	
I	XÃ PHỔ AN				8.070,0	6.456,0	807,0	807,0	8.070,0	6.456,0	807,0	807,0	
	* Dự án khởi công mới năm 2022												
	Kiên cố hóa kênh mương triển cát Quán Huan, hội An 1	1.100m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	
	Kiên cố hóa kênh mương Cầu Bà Bộ đi Ba Gò thôn An Thạch.	1.000m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	
	Kiên cố hóa kênh mương Gò Tim đi trạm bơm, thôn Hội An 1	1.000m	2022	xã Phổ An	1.050,0	840,0	105,0	105,0	1.050,0	840,0	105,0	105,0	
	Kiên kế hóa kênh mương đội đội xóm 8, thôn An Thạch	700m	2022	xã Phổ An	840,0	672,0	84,0	84,0	840,0	672,0	84,0	84,0	
	Kiên cố hóa kênh mương N10 đi mương tiêu, đội 3, thôn An Thổ.	900m	2022	xã Phổ An	950,0	760,0	95,0	95,0	950,0	760,0	95,0	95,0	
	Kiên cố hóa kênh mương Triển cát, đội 7, thôn An Thổ	800m	2022	xã Phổ An	950,0	760,0	95,0	95,0	950,0	760,0	95,0	95,0	
	Tuyển kênh Gò Soáy đi mương tiêu đội 4, thôn An Thổ	800m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	
	Kiên cố hóa kênh mương Bầu Đưng đi mương tiêu, thôn Hội An 2	1.100m	2022	xã Phổ An	1.070,0	856,0	107,0	107,0	1.070,0	856,0	107,0	107,0	
II	XÃ PHỔ THUẬN		2022-2023		1.805,5	1.444,4	180,6	180,6	1.805,5	1.444,4	180,6	180,6	
	* Dự án khởi công mới năm 2022		2022										

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu năm 2022			Ghi chú		
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã		Ngân sách xã và huy động khác	Ngân sách TW, tỉnh		Ngân sách thị xã	Ngân sách xã và huy động khác
	KCH kênh từ Rộc Lữ - Nà Gò xuống ruộng Cầu Vinh Hiển (giai đoạn 1)	355m	2022	xã Phố Thuận	906.75	725.4	90.7	90.7	906.8	725.4	90.7	90.7	
	KCH Kênh sau Nhà bà Thu - Kênh N8 Bis (giai đoạn 1)	635m	2022	xã Phố Thuận	898.75	719.0	89.9	89.9	898.8	719.0	89.9	89.9	
III	XÃ PHỔ PHONG				576,0	460,8	57,6	57,6	576,0	460,8	57,6	57,6	
	* Dự án khởi công mới năm 2022												
	Tuyến đường từ nhà Lê Tây (Vạn Trung) đi giáp QL.24	L=576m	2022	xã Phố Phong	576.0	460.8	57.6	57.6	576.0	460.8	57.6	57.6	
IV	XÃ PHỔ CƯỜNG				576,0	460,8	57,6	57,6	576,0	460,8	57,6	57,6	
	* Dự án khởi công mới năm 2022												
	Xây dựng đập dâng suối xóm 1, thôn Thủy Thạch	L=5m	2022	xã Phố Cường	576.00	460.8	58	58	576.0	460.8	57.60	57.6	
V	XÃ PHỔ CHÂU				576,00	460,80	57,60	57,60	576,00	460,80	57,60	57,60	
	* Dự án khởi công mới năm 2022												
1	Bê chứa nước công trình nước sinh hoạt thôn Châu Me	Diện tích 66m2	2022	xã Phố Châu	576.00	460.8	58	58	576.0	460.8	58	58	
VI	XÃ PHỔ NHƠN				24.654	14.150	5.372	4.884	9.515	7.650	1.865	-	-
	* Dự án trả nợ năm 2021		2021		22.435	14.150	3.372	4.662	7.650	7.650	-	-	
	Tuyến Trạm xá - Vườn dĩnh (giai đoạn 2)	717m	2021	xã Phố Nhơn	1.100	770.0	220.0	110.0	269.7	270			
	Tuyến từ ngã tư Nhơn Tân đi nhà ông Phụng (giai đoạn 2)	773m	2021	xã Phố Nhơn	1.100	770.0	220.0	110.0	270.0	270			
	Tuyến từ Ngã tư Phước Hạ đi Đá Mông	890m	2021	xã Phố Nhơn	900	630.0	180.0	90.0	530.0	530			
	Tuyến từ ngã tư Nhơn Tân đi Dốc Vay, Dốc Trà	770m	2021	xã Phố Nhơn	1.100	770.0	220.0	110.0	520.0	520			
	Tuyến từ vườn Chôm Chôm đi nhà Nguyễn Tâm (Phước Lợi)	629m	2021	xã Phố Nhơn	1.110	778.0	222.0	110.0	278.0	278			
	Tuyến từ ngõ Trần Sâm - Cầu Máng Trên (Nhơn Tân cũ)	630m	2021	xã Phố Nhơn	1.100	770.0	220.0	110.0	770.0	770			

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu năm 2022			Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã		Ngân sách xã và huy động khác	Ngân sách TW, tỉnh		Ngân sách thị xã
	Tuyển Thủ kỳ Phước Nhơn đi Nhon Tân (Gò Kỳ - nhà Chín Lê)	792m	2021	xã Phở Nhon	1.120	534,0	224,0	112,0	534,0	534		
	Tuyển từ Trường Mẫu giáo thôn An Tây (cũ) đi nhà ông Sác	585m	2021	xã Phở Nhon	1.100	770,0	220,0	110,0	-	-		
	Tuyển từ ngõ Phước Điền - giáp đường mương Bừu, đôi cỏ	650m	2021	xã Phở Nhon	1.052	741,0	212,0	99,0	291,0	291		
	Tuyển từ nhà Chính Nghĩa - Sân Vận động và khu thể thao của xã	590m	2021	xã Phở Nhon	844	595,0	170,0	79,0	-	-		
	Tuyển từ đường bê tông Phố Thuận - Phố Nhon đi nhà ông Hiếu	810m	2021	xã Phở Nhon	800	560,1	160,0	80,0	460,0	460		
	Tuyển từ Phước Thượng đi Nhon Tân (Nhà Văn hóa đi Ngõ Sau)	732m	2021	xã Phở Nhon	1.075	752,7	215,1	107,5	253,0	253		
	Tuyển từ Dốc Đá Phở Ninh - Nhà ông Tròn thôn An Lợi (từ Trường Mẫu giáo đến Đồng Trờng)	620m	2021	xã Phở Nhon	900	630,0	180,0	90,0	530,0	530		
	Tuyển đường từ đường dẫn Đập Mỏ Côi đi nhà ông Hiếu	402m	2021	xã Phở Nhon	657	460,0	131,4	65,7	360,0	360		
	Tuyển Thi Khoa (An Điền) đi Gò Gai (An Tây) (giai đoạn 3)	610m	2021	xã Phở Nhon	1.000	500,0	100,0	400,0	400,0	400		
	Tuyển từ nhà bà Tị đi trường Tiểu học Phố Nhon (điểm Nhon Tân cũ)	653m	2021	xã Phở Nhon	1.100	550,0	110,0	440,0	165,0	165		
	Tuyển từ ngã ba nhà ông Chút đến góc đá Lộ Tranh (Nhon Bích)	413m	2021	xã Phở Nhon	628	314,0	62,8	251,2	214,0	214		
	Tuyển cầu Suối Đục đi Dinh Bà (gđ 2)	504m	2021	xã Phở Nhon	850	425,0	85,0	340,0	-	-		
	Tuyển từ nhà ông Thịnh đi nhà Mười Phương	700m	2021	xã Phở Nhon	1.100	550,0	110,0	440,0	450,0	450		
	Sân vận động và khu thể thao xã Phở Nhon	Diện tích sân nền: 7.566,46m ²	2021	xã Phở Nhon	1.098	770,0	110,0	218,0	570,0	570		
	Nhà văn hóa thôn Tân Sơn	Diện tích sân: 123,45m ²	2021	xã Phở Nhon	800	480,0		320,0	155,0	155		

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu năm 2022			Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã		Ngân sách xã và huy động khác	Ngân sách TW, tỉnh		Ngân sách thị xã
	Nhà văn hóa thôn Phước Lợi	Diện tích sân: 123,45m ²	2021	xã Phò Nhơn	800	480,0	320,0	230,0	230			
	Nghĩa trang nhân dân xã Phò Nhơn	Diện tích san nền 2.125m ²	2021	xã Phò Nhơn	1.100	550,0	550,0	400,0	400			
	* Dự án trả nợ năm 2021 ngân sách thị xã				2.220	-	2.000	222	1.865,0	1.865,0		
	Tuyến đường Ngã tư Phước Hạ đi Nhơn Tân (giai đoạn 2)	578,66m	2021	xã Phò Nhơn	822		740	82	683	683		
	Tuyến mương Lỗ Lá đi nhà ông Nhuận (An Điền cũ)	600m	2021	xã Phò Nhơn	699		630	70	590	590		
	Tuyến mương Sờ Hâu (Nhà Kim Kìa) đi đồng đôn điền đổi thửa (Phước Thương cũ)	468m	2021	xã Phò Nhơn	699		630	70	592	592		
VII	XÃ PHỔ KHÁNH				23.771	13.830	5.448	3.922	9.556	7.650	1.906	0
	* Dự án trả nợ năm 2021				21.575	13.830	3.448	3.726	7.650	7.650	0	0
	Xây dựng tuyến đường Quốc lộ 1 - Phước Điền.	584,92 m	2021	xã Phò Khánh	1.112,8	779,0	223	111	153,3	153		
	Tuyến QL1 - xóm 8B - Rừng Tre (giai đoạn 2).	281,4m	2021	xã Phò Khánh	681,0	459,0	131	91	240,0	240		
	Tuyến đường từ xóm 33- xóm 31, Qui Thiện (giai đoạn 2).	653m	2021	xã Phò Khánh	1.115,0	206,1	222	116	206,1	206		
	Tuyến cầu xóm 8B, Diên Trường - Xóm 9B, Phú Long.	700m	2021	xã Phò Khánh	1.120,0	784,0	224	112	650,0	650		
	Tuyến Ngã tư xóm 32 - Đến điểm đi tích Tàu Không Số, Qui Thiện.	690m	2021	xã Phò Khánh	1.100,0	770,0	220	110	400,0	400		
	Tuyến đường từ chợ Trung tâm - Vườn Bạch xóm 19, Trung Sơn	732m	2021	xã Phò Khánh	1.080,0	756,0	216	108	249,0	249		
	Tuyến đường từ chợ Trung Tâm - Bầu Súng, Trung Sơn.	527,2m	2021	xã Phò Khánh	1.040,0	728,0	208	104	600,0	600		

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu năm 2022			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã		Ngân sách xã và huy động khác	Ngân sách TW, tỉnh	
	Tuyến đường QL1- xóm 5 - Nhà ông Năng Diên Trường (giai đoạn 2).	494,47m	2021	xã Phò Khánh	1.026,0	718,2	205	103	638,8	639	
	Tuyến đường từ nhà ông Lân - Dập ông Sỹ, Vĩnh An.	710m	2021	xã Phò Khánh	1.074,6	752,2	215	107	630,9	631	
	Tuyến đường QL1- xóm 4 - Nhà ông Năng, Diên Trường (giai đoạn 3).	572,7m	2021	xã Phò Khánh	1.106,0	735,0	210	161	700,0	700	
	Tuyến đường nhà ông Lung xóm 13 - giáp tuyến đường cầu xóm 8B - xóm 9B.	727,1m	2021	xã Phò Khánh	1.103,0	771,0	220	112	400,0	400	
	Tuyến đường xóm 20 Trung Sơn - xóm 15, Trung Hải.	612m	2021	xã Phò Khánh	1.077,4	755,4	216	106	95,0	95	
	Tuyến xóm 14 nghĩa địa Trung Hải	585,8m	2021	xã Phò Khánh	1.028,0	704,0	201	123	55,0	55	
	Tuyến đường từ nhà văn hóa thôn Qui Thiện- đi ra Biển	614,8m	2021	xã Phò Khánh	1.140,0	798,0	228	114	425,0	425	
	Tuyến ngã 5 Phước Diên - xóm 27, Vĩnh An (giáp đường DH47)	811,3m	2021	xã Phò Khánh	1.120,8	784,6	224	112	647,2	647	
	Đường Nội đồng cấp phối từ hạ lưu Cầu ông Vân - Cầu xóm 8B, Diên Trường; Đường xóm 8A- Cầu ông Vân	1370m	2021	xã Phò Khánh	787,2	393,6	79	315	250,0	250	
	Tuyến đường từ xóm 8A, Diên Trường - xóm 19 - xóm 20, Trung Sơn.	589m	2021	xã Phò Khánh	942,4	471,2	94	377	350,0	350	
	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã	Sân diện tích 1.001,4 m ²	2021	xã Phò Khánh	1.120,4	784,3	112	224	350,0	350	
	Nhà Văn hóa thôn Diên Trường.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phò Khánh	400,0	240,0	0	160	70,0	70	
	Nhà văn hóa thôn Phú Long.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phò Khánh	400,0	240,0	0	160	120,0	120	
	Nhà văn hóa thôn Trung Hải.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phò Khánh	400,0	240,0	0	160	120,0	120	
	Nhà văn hóa thôn Trung Sơn.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phò Khánh	400,0	240,0	0	160	29,6	30	
	Nhà văn hóa thôn Phước Diên.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phò Khánh	400,0	240,0	0	160	75,0	75	
	Nhà văn hóa thôn Qui Thiện.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phò Khánh	400,0	240,0	0	160	75,0	75	
	Nhà văn hóa thôn Vĩnh An.	Sửa chữa nhà	2021	xã Phò Khánh	400,0	5240,0	0	160	120,0	120	

TT	TÊN DỰ ÁN	Quy mô	Thời gian thực hiện	Địa điểm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu năm 2022			Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách thị xã		Ngân sách xã và huy động khác	Ngân sách TW, tỉnh		Ngân sách thị xã
*	Dự án trả nợ năm 2021 ngân sách thị xã				2.196,0		2.000	196	1.906		1.906	
	Quốc lộ 1A xóm 2 - xóm 4 thôn Diên Trường	425,06m	2021	xã Phô Khánh	700,0		630	70	594		594	
	Tuyến đường Bàu Súng - Dốc Đình - Xóm 20 thôn Trung Sơn	458m	2021	xã Phô Khánh	870,0		770	100	735		735	
	Kiến cố hóa tuyến Kênh N1- Rộc Bùn, xóm 23 thôn Vinh An	517,39m	2021	xã Phô Khánh	626,0		600	26	577		577	
VIII	Cấp nước sạch nông thôn				24.000	19.200	2.400	2.400	8.000	8.000	0	0
*	Dự án khởi công mới năm 2022											
	HTCNSH xã Phô Cường-Phô Khánh, thị xã Đức Phô	14700 người		xã Phô Khánh, Phô Cường	24.000	19.200	2.400	2.400	8.000	8.000		